

Bản án số: 52/2025/DS-ST
Ngày: 26/6/2025
V/v tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Trung Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiếu
2. Bà Đàm Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 721/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2025/QĐST-DS ngày 29/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2025/QĐST-DS ngày 29/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S
Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang Trung H, Chức vụ: Chuyên viên Thu hồi nợ và Thanh lý tài sản. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 22/5/2024 và ngày 14/6/2024)

2. Bị đơn: Ông Lê Minh C, sinh năm 1983
Địa chỉ: Số A Lô C N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, người đại diện Ngân hàng TMCP S (Gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 29/9/2017, ông Lê Minh C có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông C Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 146.000.000 đồng. với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông C đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 2.165.352.290 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ. từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông C đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 2.227.501.526 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông C vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 25/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 26/6/2025, ông C còn nợ các khoản sau: Dư nợ gốc: 173.132.702 đồng; Lãi quá hạn: 124.402.782 đồng; Tổng cộng: 297.535.484 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông C có trách nhiệm thanh toán tuy nhiên ông C vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây

1. Buộc ông Lê Minh C phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/6/2025 là 297.535.484 đồng trong đó: Dư nợ gốc: 173.132.702 đồng; Lãi quá hạn: 124.402.782 đồng.

2. Và ông Lê Minh C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/6/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Lê Minh C đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Ngân hàng có người đại diện có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, đồng thời có văn bản giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Minh C trả ngay cho Ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày xét xử 26/6/2025 là 297.535.484 đồng, trong đó: nợ gốc 173.132.702 đồng, lãi quá hạn 124.402.782 đồng; 2. Ông Lê Minh C còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S kể từ ngày 26/6/2025 đến ngày trả hết nợ.

- Bị đơn ông Lê Minh C vắng mặt

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận 1 phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng và bị đơn ông C là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, là hợp đồng cung ứng dịch vụ và cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng, bị đơn có địa chỉ tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông C đến phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án

Quan hệ tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Đối với khoản vay thẻ tín dụng thể hiện bằng 1) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của ông Lê Minh C ký ngày 29/9/2017, 2) Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, theo đó Lãi suất thỏa thuận là lãi suất cho vay mà Ngân hàng áp dụng đối với khoản vay thông qua phát hành thẻ, bao gồm Lãi suất trong hạn, Lãi suất quá hạn; Lãi suất trong hạn là lãi suất được tính theo biểu phí Lãi suất do Ngân hàng công bố trong từng thời kỳ; Lãi suất quá hạn là mức Lãi suất tối đa bằng 150% Lãi suất trong hạn. Mức lãi mà Ngân hàng áp dụng đối với ông C trong hạn là 2.48%/tháng, quá hạn 3,72%/tháng.

Căn cứ hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, mức lãi suất này phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động thẻ ngân hàng, các Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2016/TT-NHNN, nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng buộc bị đơn ông C trả số nợ tính đến ngày xét xử 26/6/2025 là 297.535.484 đồng, trong đó: nợ gốc 173.132.702 đồng, lãi quá hạn 124.402.782 đồng;

Căn cứ Điều 18, Điều 25 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, do các khoản thanh toán của ông C đã chuyển sang nợ quá hạn nên Ngân hàng quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ của ông C trước hạn, chuyển toàn bộ số tiền thanh toán sang nợ quá hạn là có cơ sở.

Căn cứ vào Tóm tắt sao kê của ông C từ ngày 25/10/2017 đến ngày Ngân hàng đã chuyển khoản thẻ sang nợ quá hạn 25/11/2023, thời điểm chuyển sang nợ quá hạn, ông C còn chưa thanh toán số tiền 173.132.702 đồng.

Từ ngày 25/11/2023 đến ngày xét xử 26/6/2025, do số tiền nợ chuyển sang quá hạn với lãi quá hạn 3,72%/tháng nên tiền lãi quá hạn là 124.402.782 đồng.

Như vậy, tính đến ngày xét xử 26/6/2025, ông C còn nợ Ngân hàng 297.535.484 đồng, gồm nợ gốc 173.132.702 đồng, lãi quá hạn 124.402.782 đồng

Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc ông C trả số tiền nêu trên là có cơ sở nên được chấp nhận. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông C còn phải chịu lãi theo thỏa thuận và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 nhận định có đủ cơ sở xác định ông C còn nợ Ngân hàng số tiền sử dụng thẻ tín dụng 173.132.702 đồng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc đòi tiền nợ và tiền lãi. Xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử đã phân tích ở trên, nên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 4 Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; các Điều 7, 8, 12, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:
- Buộc bị đơn ông Lê Minh C phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 297.535.484 (Hai trăm chín mươi bảy triệu, năm

trăm ba mươi lăm ngàn, bốn trăm tám mươi bốn) đồng, gồm nợ gốc 173.132.702 (Một trăm bảy mươi ba triệu, một trăm ba mươi hai ngàn, bảy trăm lẻ hai) đồng, lãi quá hạn 124.402.782 (Một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm lẻ hai ngàn, bảy trăm tám mươi hai) đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lê Minh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ thẻ tín dụng còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Lê Minh C phải chịu 14.876.774 (Mười bốn triệu, tám trăm bảy mươi sáu ngàn, bảy trăm bảy mươi bốn) đồng.

- Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.402.608 (Năm triệu, bốn trăm lẻ hai ngàn, sáu trăm lẻ tám) đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039025 ngày 28/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Trung Tuấn

